



fà láng cǎi

珐琅彩

noun · cloisonné enamel colors

Example Sentence

Wǒ xǐ huān shōu cáng Zhōng guó de fà láng cǎi cí qì
我 喜 欢 收 藏 中 国 的 珐 琅 彩 瓷 器。

I like collecting Chinese cloisonné enamel
porcelain.

Trace each character, then write the word on your own.

珐	珐	珐	珐	珐	珐	珐	珐	珐	珐	珐
珐										

琅	琅	琅	琅	琅	琅	琅	琅	琅	琅	琅
琅	琅	琅								

彩	彩	彩	彩	彩	彩	彩	彩	彩	彩	彩
彩	彩	彩								